

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 51

Công ty Cổ phần LIZEN

[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần LIZEN, trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 được cấp ngày 22 tháng 4 năm 2022. Cũng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 23, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LIZEN.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022
Ông Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT không điều hành, độc lập	
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành, độc lập	
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên HĐQT không điều hành, độc lập	
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT không điều hành	

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Khang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cao Ngọc Phương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hữu Phong	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cao Ngọc Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LIZEN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

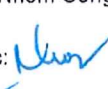

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

LIZEN
Cao Ngọc Phượng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 60992762/22989068/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần LIZEN (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.129.886.549.463	3.317.659.734.960
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	250.861.499.665	165.678.762.277
111	1. Tiền		208.741.499.665	154.078.762.277
112	2. Các khoản tương đương tiền		42.120.000.000	11.600.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		7.412.451.700	259.432.451.700
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	7.412.451.700	259.432.451.700
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.882.992.308.779	2.135.485.451.851
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.430.078.377.958	1.516.826.934.827
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	328.078.041.590	477.996.708.176
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	38.022.268.341	38.022.268.341
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	196.293.124.754	210.739.646.301
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(109.479.503.864)	(108.100.105.794)
140	IV. Hàng tồn kho	10	883.684.285.910	658.559.255.829
141	1. Hàng tồn kho		883.684.285.910	658.559.255.829
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		104.936.003.409	98.503.813.303
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		104.936.003.409	98.503.813.303

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.874.826.539.710	1.780.440.696.119
210	I. Khoản phải thu dài hạn		25.646.836.000	36.092.880.554
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	25.646.836.000	36.092.880.554
220	II. Tài sản cố định		286.512.351.669	301.408.122.669
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	172.874.188.063	200.389.057.588
222	Nguyên giá		468.158.521.092	471.303.970.688
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(295.284.333.029)	(270.914.913.100)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	113.513.879.168	100.821.738.465
225	Nguyên giá		171.218.274.152	141.925.065.640
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(57.704.394.984)	(41.103.327.175)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	124.284.438	197.326.616
228	Nguyên giá		10.254.240.000	10.254.240.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.129.955.562)	(10.056.913.384)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		73.693.179.703	73.577.779.703
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	73.693.179.703	73.577.779.703
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	1.463.215.276.188	1.340.410.916.323
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	685.935.055.200	680.128.591.474
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	424.698.733.758	324.898.733.758
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	485.558.790.000	485.558.790.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(134.877.302.770)	(152.075.198.909)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.900.000.000	1.900.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		25.758.896.150	28.950.996.870
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		44.048.702	29.311.929
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	25.714.847.448	28.921.684.941
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.004.713.089.173	5.098.100.431.079


Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]


B01a-DN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.495.949.973.703	2.720.886.492.180
310	I. Nợ ngắn hạn		2.243.505.432.633	2.445.976.985.857
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	617.976.866.355	905.771.165.052
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	454.053.641.779	588.157.199.295
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	73.026.454.387	164.438.144.444
314	4. Phải trả người lao động		3.260.912.055	5.071.001.265
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	431.043.346.384	447.028.100.446
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	124.197.957.891	74.064.963.897
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	487.228.547.991 52.717.705.791	208.061.705.667 53.384.705.791
330	II. Nợ dài hạn		252.444.541.070	274.909.506.323
331	1. Phải trả người bán dài hạn	28	63.587.175.345	89.414.653.881
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	27.442.701.995	26.896.373.627
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	21	161.172.043.730 242.620.000	158.301.535.315 296.943.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.508.763.115.470	2.377.213.938.899
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	2.508.763.115.470	2.377.213.938.899
411	1. Vốn cổ phần		1.744.048.240.000	1.744.048.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.744.048.240.000	1.744.048.240.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.686.603.494	93.686.603.494
415	3. Cổ phiếu quỹ		(18.771.380.000)	(18.771.380.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		570.595.349.613	439.046.173.042
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		439.046.173.042	254.250.048.264
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		131.549.176.571	184.796.124.778
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.004.713.089.173	5.098.100.431.079


Đỗ Văn Hường
Người lập


Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng


Cao Ngọc Phương
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		164.539.785.177	153.612.400.188
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 13	44.165.555.594	36.590.993.827
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(15.872.821.569)	12.387.896.183
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(1.408.730.766)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(162.089.840.955)	(2.476.265.917)
06	Chi phí lãi vay	25	20.745.651.690	25.307.797.764
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.488.329.937	224.014.091.279
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		82.063.162.490	(123.163.474.407)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(225.125.030.081)	43.798.670.407
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(317.355.005.237)	214.724.650.986
12	Tăng chi phí trả trước		(14.736.773)	(4.011.362)
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.430.957.616)	(20.640.515.886)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(117.881.619.764)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(667.000.000)	(2.750.960.498)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(542.922.857.044)	335.978.450.519
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		990.000.000	281.818.182
23	Tiền chi cho vay		(140.000.000.000)	(41.255.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng		386.000.000.000	30.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(237.182.670.000)	(1.033.400.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		362.281.537.005	1.454.550.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia		2.672.585.200	654.449.114
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		374.761.452.205	(9.897.582.704)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		531.168.204.546	312.916.644.625
34	Tiền trả nợ gốc vay		(260.499.589.544)	(570.879.717.127)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(17.324.472.775)	(8.255.861.046)
36	Tiền chi trả cổ tức	22.2	-	(80.673.720.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		253.344.142.227	(346.892.653.948)

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		85.182.737.388	(20.811.786.133)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		165.678.762.277	179.724.434.865
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	250.861.499.665	158.912.648.732

Đỗ Văn Hường
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Cao Ngọc Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần LIZEN, trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 được cấp ngày 22 tháng 4 năm 2022. Cũng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 23, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LIZEN.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 120 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 158 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Phí bảo lãnh công trình;
- ▶ Công cụ, dụng cụ; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được đánh giá lại vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu quỹ

- Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	87.985.825	165.381.684
Tiền gửi ngân hàng	207.015.513.840	152.275.380.593
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (*)	1.638.000.000	1.638.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (**)	42.120.000.000	11.600.000.000
TỔNG CỘNG	<u>250.861.499.665</u>	<u>165.678.762.277</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi tại tài khoản phong tỏa được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 21.1*).

(**) Một phần tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với tổng giá trị là 6.020.000.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho hiệu suất dự án Điện Mặt trời Vạn Ninh.

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 2,3% đến 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ bên khác	1.055.792.758.745	1.157.273.433.201
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC</i>	<i>181.954.432.768</i>	<i>206.291.048.055</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng SCG</i>	<i>108.645.735.315</i>	<i>124.218.984.625</i>
<i>Bà Lưu Thị Bình Dân</i>	<i>82.522.000.000</i>	<i>82.522.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Điện gió Lạc Hòa 2</i>	<i>79.214.447.879</i>	<i>128.569.875.980</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển</i>		
<i>Điện Mặt trời Vạn Ninh</i>	<i>10.304.113.856</i>	<i>17.708.971.231</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>593.152.028.927</i>	<i>597.962.553.310</i>
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	<u>374.285.619.213</u>	<u>359.553.501.626</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.430.078.377.958</u>	<u>1.516.826.934.827</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(109.479.503.864)</u>	<u>(108.100.105.794)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.320.598.874.094</u>	<u>1.408.726.829.033</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	108.100.105.794	105.826.792.768
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	<u>1.379.398.070</u>	<u>1.697.872.277</u>
Số cuối kỳ	<u>109.479.503.864</u>	<u>107.524.665.045</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	233.110.526.643	238.367.413.845
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và</i>		
<i>Thương mại Quốc tế</i>	<i>66.900.000.000</i>	<i>66.900.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần THĐ15</i>	<i>34.358.466.876</i>	<i>36.106.936.676</i>
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	<i>131.852.059.767</i>	<i>135.360.477.169</i>
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	<u>94.967.514.947</u>	<u>239.629.294.331</u>
TỔNG CỘNG	<u>328.078.041.590</u>	<u>477.996.708.176</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	1.885.849.950	1.885.849.950
Các bên khác	36.136.418.391	36.136.418.391
TỔNG CỘNG	<u>38.022.268.341</u>	<u>38.022.268.341</u>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	VND		(%/năm)	
<i>Cho vay các bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2	33.000.000.000	31 tháng 9 năm 2022	5	Tín chấp
Công ty Cổ phần LICOGI 16.1	3.136.418.391	31 tháng 12 năm 2022	0	Tín chấp
<i>Cho vay bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận	1.885.849.950	từ 25 tháng 3 năm 2023 đến 30 tháng 6 năm 2023	5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>38.022.268.341</u>			

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	196.293.124.754	210.739.646.301
Tạm ứng (*)	119.109.221.762	121.645.789.461
Phải thu về chuyển nhượng vốn	34.248.550.000	50.748.550.000
Ký quỹ mở thư tín dụng, bảo lãnh thanh toán	21.322.560.654	16.039.309.400
Chi hộ	13.096.251.369	11.470.493.956
Phải thu lãi cho vay	7.241.707.177	6.948.180.809
Cổ tức	-	3.637.500.000
Khác	1.274.833.792	249.822.675
Dài hạn	25.646.836.000	36.092.880.554
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	25.646.836.000	36.092.880.554
TỔNG CỘNG	<u>221.939.960.754</u>	<u>246.832.526.855</u>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	221.779.831.214	246.719.156.059
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	160.129.540	113.370.796

(*) Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các công trình xây dựng dở dang (*)	731.289.477.265	564.684.347.941
Bất động sản dở dang (**)	131.610.362.123	46.792.339.893
Vật tư xây dựng	20.082.250.120	46.380.371.593
Hàng hóa bất động sản	698.491.402	698.491.402
Công cụ, dụng cụ	3.705.000	3.705.000
TỔNG CỘNG	<u>883.684.285.910</u>	<u>658.559.255.829</u>

(*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn	205.863.762.104	202.532.306.860
Cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên	123.999.744.111	61.781.719.693
Cao tốc Quốc lộ 45 - Nghi Sơn	78.304.212.326	47.396.034.186
Điện gió Chợ Long	37.110.801.070	34.658.938.565
Cao tốc Hữu Nghị	34.896.790.812	34.915.535.681
Sông Hậu – Đức Hoà	32.008.492.794	37.976.391.668
Chung cư Hiệp Thành	31.141.689.545	31.089.689.545
Các công trình khác	187.963.984.503	114.333.731.743
TỔNG CỘNG	<u>731.289.477.265</u>	<u>564.684.347.941</u>

(**) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Khu dân cư Long Tân (i)	94.222.052.661	9.404.030.431
Khu dân cư Bảo Lộc 3,4ha	37.388.309.462	37.388.309.462
TỔNG CỘNG	<u>131.610.362.123</u>	<u>46.792.339.893</u>

(i) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Khu dân cư Long Tân đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.1).

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
				VND
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	335.501.565.969	134.002.297.991	1.800.106.728	471.303.970.688
Mua mới	20.598.000	-	-	20.598.000
Thanh lý	(1.447.545.455)	(1.718.502.141)	-	(3.166.047.596)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	334.074.618.514	132.283.795.850	1.800.106.728	468.158.521.092
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	17.738.548.849	11.441.827.722	1.749.197.636	30.929.574.207
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	189.241.316.732	79.882.581.793	1.791.014.575	270.914.913.100
Khấu hao trong kỳ	19.812.101.203	7.672.553.619	6.790.785	27.491.445.607
Thanh lý	(1.403.523.537)	(1.718.502.141)	-	(3.122.025.678)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	207.649.894.398	85.836.633.271	1.797.805.360	295.284.333.029
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	146.260.249.237	54.119.716.198	9.092.153	200.389.057.588
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	126.424.724.116	46.447.162.579	2.301.368	172.874.188.063
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21.2)	57.213.586.394	33.398.272.106	-	90.611.858.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	141.925.065.640
Thuê mới trong kỳ	<u>29.293.208.512</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>171.218.274.152</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	25.805.953.109
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	41.103.327.175
Khấu hao trong kỳ	<u>16.601.067.809</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>57.704.394.984</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>100.821.738.465</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>113.513.879.168</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>10.254.240.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	10.056.913.384
Hao mòn trong kỳ	<u>73.042.178</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>10.129.955.562</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>197.326.616</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>124.284.438</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trường Cao đẳng nghề LICOGI	73.693.179.703	72.901.822.580
Khác	-	675.957.123
TỔNG CỘNG	<u>73.693.179.703</u>	<u>73.577.779.703</u>

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	685.935.055.200	680.128.591.474
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	424.698.733.758	324.898.733.758
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.3)	485.558.790.000	485.558.790.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.900.000.000	1.900.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 15.1, 15.2)	<u>(134.877.302.770)</u>	<u>(152.075.198.909)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.463.215.276.188</u>	<u>1.340.410.916.323</u>

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Gia Lai	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	172.991.353.302	97,00	172.991.353.302	97,00
Công ty Cổ phần Bất động sản LIZEN ¹ (i)	Đang hoạt động	Bất động sản	127.488.890.849	95,00	13.670.097.123	95,00
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Chư Ngọc (ii)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	124.787.670.000	98,00	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển khu dân cư	85.878.880.000	80,00	85.878.880.000	80,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGI 16	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ tiện ích	75.000.000.000	75,00	75.000.000.000	75,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN ²	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ xây dựng	47.500.000.000	95,00	47.500.000.000	95,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	35.760.000.000	97,00	35.760.000.000	97,00
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ xây dựng	16.000.000.000	80,00	16.000.000.000	80,00
Công ty Cổ phần LICOGI 16 Quảng Trị 1	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	290.283.274	78,00	290.283.274	78,00
Công ty Cổ phần LICOGI 16 Quảng Trị 2	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	237.977.775	78,00	237.977.775	78,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận (iii)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	-	-	232.800.000.000	97,00
TỔNG CỘNG			685.935.055.200		680.128.591.474	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(11.368.569.012)		(28.566.465.151)	
GIÁ TRỊ THUẬN			674.566.486.188		651.562.126.323	

¹ Trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản LICOGI 16

² Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 đến ngày 28 tháng 6 năm 2022, Công ty tiếp tục góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản LIZEN với tổng giá trị là 113.818.793.726 VND.
- (ii) Từ ngày 18 tháng 5 năm 2022 đến ngày 25 tháng 5 năm 2022, Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Chư Ngọc trị giá 124.787.670.000 VND.
- (iii) Từ ngày 28 tháng 3 năm 2022 đến ngày 29 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 70% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16 Ninh Thuận cho các đối tác doanh nghiệp. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16 Ninh Thuận không còn là công ty con của Công ty và trở thành công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2).

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	215.000.000.000	35,83	180.000.000.000	30,00
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Đang hoạt động	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel	123.508.733.758	22,00	123.508.733.758	22,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16 Ninh Thuận (Thuyết minh số 15.1)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	64.800.000.000	27,00	-	-
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Đang hoạt động	Thị công lắp đặt các hệ thống điện	21.390.000.000	30,56	21.390.000.000	34,50
TỔNG CỘNG			424.698.733.758		324.898.733.758	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(123.508.733.758)		(123.508.733.758)	
GIÁ TRỊ THUẬN			301.190.000.000		201.390.000.000	

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn (*)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,500	378.447.030.000	19,500
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy Nước Phú Ninh (*)	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	59.611.760.000	12,004	59.611.760.000	12,004
Công ty Cổ phần BOT 38 (*)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19,000	47.500.000.000	19,000
TỔNG CỘNG			485.558.790.000		485.558.790.000	

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	472.153.870.037	526.311.277.455
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC</i>	36.334.347.681	36.334.347.681
<i>Công ty TNHH Kỹ thuật Việt</i>	23.532.196.690	23.532.196.690
<i>Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long</i>	15.634.722.423	22.535.021.801
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 166</i>	-	25.204.320.529
<i>Khác</i>	396.652.603.243	418.705.390.754
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	145.822.996.318	379.459.887.597
TỔNG CỘNG	617.976.866.355	905.771.165.052

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	329.967.961.502	538.043.564.018
<i>Ban Quản lý Dự án 2</i>	85.960.815.542	132.140.159.831
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 13</i>	39.502.802.006	39.502.802.006
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG</i>	46.233.285.994	46.631.520.226
<i>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Tỉnh Quảng Ninh</i>	22.821.142.000	133.570.989.000
<i>Khác</i>	135.449.915.960	186.198.092.955
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	124.085.680.277	50.113.635.277
TỔNG CỘNG	454.053.641.779	588.157.199.295

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	157.314.579.488	29.783.771.113	(117.881.619.764)	69.216.730.837
Thuế giá trị gia tăng	-	51.307.356.646	(51.307.356.646)	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.724.798.706	933.828.758	(3.525.677.325)	2.132.950.139
Thuế nhà thầu	830.818.255	-	-	830.818.255
Khác	1.567.947.995	341.715.354	(1.063.708.193)	845.955.156
TỔNG CỘNG	164.438.144.444	82.366.671.871	(173.778.361.928)	73.026.454.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí hoàn thành dự án các công trình xây dựng	419.870.449.816	416.919.463.707
Lương tháng 13	7.424.943.290	8.070.052.250
Lãi vay	206.352.909	199.447.885
Khác	3.541.600.369	21.839.136.604
TỔNG CỘNG	<u>431.043.346.384</u>	<u>447.028.100.446</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	124.197.957.891	74.064.963.897
Phạt thuế	44.615.617.189	44.615.617.189
Nhận chuyển nhượng vốn	35.915.663.694	6.600.000.000
Hoa hồng môi giới	21.839.136.604	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	6.159.680.687	6.056.709.431
Lãi vay phải trả	7.981.542.687	4.478.436.295
Khác	7.686.317.030	12.314.200.982
Dài hạn	27.442.701.995	26.896.373.627
Nhận tạm ứng	15.535.840.000	15.535.840.000
Lãi vay	11.663.861.995	11.297.533.627
Nhận ký quỹ, ký cược	243.000.000	63.000.000
TỔNG CỘNG	<u>151.640.659.886</u>	<u>100.961.337.524</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>133.506.781.589</i>	<i>81.907.863.498</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>18.133.878.297</i>	<i>19.053.474.026</i>

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Vay trong kỳ	Trả vay trong kỳ	Phân loại lại	Cán trừ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vay ngắn hạn	208.061.705.667	486.780.004.546	(238.886.501.514)	31.873.339.292	(600.000.000)	487.228.547.991
Vay ngắn hạn ngân hàng (thuyết minh số 21.1)	142.167.342.344	405.600.007.009	(201.538.065.779)	-	-	346.229.283.574
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.3)	16.090.224.029	62.879.997.537	(13.569.752.758)	1.585.855.030	-	66.986.323.838
Vay từ các bên khác (thuyết minh 21.4)	3.975.927.375	18.300.000.000	-	-	(600.000.000)	21.675.927.375
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (thuyết minh số 21.2)	12.908.420.404	-	(6.454.210.202)	9.037.013.934	-	15.491.224.136
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 21.5)	32.919.791.515	-	(17.324.472.775)	21.250.470.328	-	36.845.789.068
Vay dài hạn	158.301.535.315	73.681.408.512	(38.937.560.805)	(31.873.339.292)	-	161.172.043.730
Vay dài hạn ngân hàng (thuyết minh số 21.2)	13.429.260.524	-	-	(9.037.013.934)	-	4.392.246.590
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.3)	73.217.107.861	44.388.200.000	(38.937.560.805)	(1.585.855.030)	-	77.081.892.026
Vay từ các bên khác (thuyết minh 21.4)	8.790.000.000	-	-	-	-	8.790.000.000
Nợ thuế tài chính (thuyết minh số 21.5)	62.865.166.930	29.293.208.512	-	(21.250.470.328)	-	70.907.905.114
TỔNG CỘNG	366.363.240.982	560.461.413.058	(277.824.062.319)	-	(600.000.000)	648.400.591.721

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 4 và 11)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	128.981.741.622	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2022 đến 30 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Long Tân 27ha; Tiền gửi tài khoản phong tỏa với giá trị 1.638.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	217.247.541.952	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2022 đến 30 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,90 – 8,10	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Long Tân 50ha và một phần dự án Khu dân cư Long Tân 27ha
TỔNG CỘNG	<u>346.229.283.574</u>				

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>19.883.470.726</u>	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2022 đến 26 tháng 11 năm 2025	Mua tài sản	10,35 – 11,10	Tài sản cố định hình thành từ vốn vay
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	15.491.224.136				
Vay dài hạn	4.392.246.590				

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 Các khoản vay từ bên liên quan

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Chư Ngọc	50.000.000.000	Ngày 25 tháng 7 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	3,20	Tín chấp
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	9.879.997.537	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	9,60	Tín chấp
Công ty Cổ phần BOT 38	5.520.471.271	Gia hạn đến cuối giai đoạn dự án đầu tư	Đầu tư Dự án Quốc lộ 1A	0	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN	1.585.855.030	Ngày 28 tháng 2 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	1,00 – 5,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	66.986.323.838				
Vay dài hạn					
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGLI 16	51.490.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	0,10 – 6,50	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tài tạo LICOGLI 16	25.591.892.026	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	5,00 – 5,50	Tín chấp
TỔNG CỘNG	77.081.892.026				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	-				
Vay dài hạn	77.081.892.026				

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.4 Các khoản vay từ các bên khác

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Vay ngắn hạn					
Các cá nhân	3.375.927.375	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	9,50 – 12,75	Tín chấp
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh	18.300.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	3,20	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>21.675.927.375</u>				
Vay dài hạn					
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh	8.790.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	5,50 – 6,00	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	-				
Vay dài hạn	8.790.000.000				

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.5 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế máy móc, thiết bị theo các hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Từ 1 năm trở xuống	39.660.184.456	2.814.395.388	35.734.186.903	2.814.395.388	32.919.791.515
	39.660.184.456	2.814.395.388	35.734.186.903	2.814.395.388	32.919.791.515
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1 đến 5 năm	96.501.358.298	25.593.453.184	69.487.507.715	6.622.340.785	62.865.166.930
	96.501.358.298	25.593.453.184	69.487.507.715	6.622.340.785	62.865.166.930
TỔNG CỘNG	136.161.542.754	28.407.848.572	105.221.694.618	9.436.736.173	95.784.958.445

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGL 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.172.485.100.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	461.338.576.530	1.827.943.202.387
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	123.534.081.613	123.534.081.613
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(31.117.670.787)	(31.117.670.787)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(80.673.720.400)	(80.673.720.400)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.172.485.100.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	473.081.266.956	1.839.685.892.813
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.744.048.240.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	439.046.173.042	2.377.213.938.899
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	131.549.176.571	131.549.176.571
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.744.048.240.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	570.595.349.613	2.508.763.115.470

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>1.744.048.240.000</u>	<u>1.172.485.100.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	-	172.872.258.000
Cổ tức đã trả	-	(80.673.720.400)

22.3 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	174.404.824	174.404.824
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	174.404.824	174.404.824
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.338)	(2.000.338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	172.404.486	172.404.486

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu dịch vụ xây dựng	345.067.564.861	595.822.958.209
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	24.853.849.902	17.935.089.643
Doanh thu từ bán đất nền	-	334.855.459.354
TỔNG CỘNG	<u>369.921.414.763</u>	<u>948.613.507.206</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	158.117.151.528	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.116.711.344	2.271.302.442
Cổ tức được chia	-	3.637.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.408.730.766
TỔNG CỘNG	<u>161.233.862.872</u>	<u>7.317.533.208</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn dịch vụ xây dựng	318.313.203.244	572.274.722.675
Giá vốn dịch vụ khác	21.340.008.411	16.980.218.468
Giá vốn bán đất nền	-	130.518.579.662
TỔNG CỘNG	<u>339.653.211.655</u>	<u>719.773.520.805</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20.745.651.690	25.307.797.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	(17.197.896.139)	10.690.023.906
Chi phí tài chính khác	-	806.234.627
	-	499.091
TỔNG CỘNG	<u>3.547.755.551</u>	<u>36.804.555.388</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng	-	16.742.772.968
Chi phí hoa hồng môi giới	-	16.742.772.968
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.374.804.112	28.602.729.039
Chi phí nhân viên	14.182.153.574	12.270.678.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.941.674.120	6.796.616.683
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1.379.398.070	1.697.872.277
Chi phí khấu hao và hao mòn	738.767.535	804.936.368
Chi phí khác	6.132.810.813	7.032.625.363
TỔNG CỘNG	<u>24.374.804.112</u>	<u>45.345.502.007</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.783.771.113	32.750.654.268
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	3.206.837.493	(2.672.335.693)
TỔNG CỘNG	<u>32.990.608.606</u>	<u>30.078.318.575</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	164.539.785.177	153.612.400.188
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	32.907.957.036	30.722.480.037
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	82.651.570	83.338.538
Cổ tức được chia	-	(727.500.000)
Chi phí thuế TNDN	32.990.608.606	30.078.318.575

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	21.895.900.773	21.620.021.159	275.879.614	339.574.455
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.431.936.137	1.411.341.887	20.594.250	296.051.911
Khấu hao	64.772.736	117.640.165	(52.867.429)	(101.295.454)
Trợ cấp thôi việc phải trả	48.524.000	59.388.700	(10.864.700)	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.273.713.802	5.713.293.030	(3.439.579.228)	2.138.004.781
Tài sản thuế hoãn lại	25.714.847.448	28.921.684.941	(3.206.837.493)	2.672.335.693
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(3.206.837.493)	2.672.335.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGI 16	Công ty con
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Gia Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản LIZEN	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió LICOGI 16 Quảng Trị 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Chư Ngọc	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty được đầu tư
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty được đầu tư
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy Nước Phú Ninh	Công ty được đầu tư
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Trả gốc vay Chi phí lãi vay đã trả Chi phí lãi vay Cho thuê hoạt động	176.126.270.734 16.768.890.190 1.427.003.965 688.594.334 -	113.556.567.589 7.911.663.990 1.088.997.183 1.507.247.212 4.146.741.907
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Doanh thu khác	13.452.360.841 -	57.073.390.050 156.833.636
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Trả gốc vay Doanh thu khác Chi phí lãi vay đã trả Chi phí lãi vay	25.149.108.332 13.394.817.202 5.647.183.138 740.366.262 256.593.303	52.717.480.633 - 74.181.818 - 585.846.576
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Trả gốc vay Doanh thu cung cấp dịch vụ Vay Chi phí lãi vay	- - - - -	20.775.820.591 6.400.000.000 5.648.232.718 5.000.000.000 231.041.096

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Tái Tạo LICOGI 16 Gia Lai	Công ty con	Trả gốc vay Lãi vay đã trả Chi phí lãi vay	10.569.752.758 300.000.000 120.738.625	4.063.180.880 561.159.071 457.462.564	
		Cổ tức, lợi nhuận từ cty con Cho thuê văn phòng	- -	3.637.500.000 63.636.364	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGI 16 Ninh Thuận	Công ty liên kết	Lãi cho vay Cho vay Vay Trả gốc vay	46.758.744 - - -	- 3.011.571.089 750.000.000 648.012.854	
Công ty Cổ phần Bất động sản LIZEN	Công ty con	Góp vốn	113.818.793.726	2.700.520.799	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	1.881.071.658	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGI 16	Công ty con	Chi phí lãi vay	1.279.071.232	1.261.564.383	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Phí thuê xe	90.000.000	90.000.000	
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Chư Ngọc	Công ty con	Góp vốn Vay Lãi vay	124.787.670.000 50.000.000.000 403.533.151	- - -	

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy Nước Phú Ninh	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	181.900.396.948	181.900.396.948	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	135.925.322.916	136.353.277.916	
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	28.293.236.718	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN	Công ty con	Cho thuê văn phòng	16.172.130.416	930.457.829	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	11.878.702.365	11.878.702.365	
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Công ty liên kết	Dịch vụ bảo lãnh	115.829.850	115.829.850	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16	Công ty con	Cho thuê văn phòng	-	81.600.000	
TỔNG CỘNG			374.285.619.213	359.553.501.626	

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo) :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>VND</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	46.119.330.072	49.435.934.766	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	26.866.878.948	125.339.324.807	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	21.754.485.670	21.754.485.670	
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	211.098.393	4.745.324.512	
Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng Tái tạo LICOGLI 16	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	15.721.864	-	
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	-	37.968.079.264	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	-	386.145.312	
TỔNG CỘNG			94.967.514.947	239.629.294.331	
Phải thu ngắn hạn khác					
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng vốn	100.000.000	100.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16 Ninh Thuận	Công ty liên kết	Lãi cho vay	60.129.540	13.370.796	
TỔNG CỘNG			160.129.540	113.370.796	

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>VND</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Dầu tư Hạ tầng LIZEN	Công ty con	Phải trả về dịch vụ xây dựng	64.105.460.527	150.449.731.374	
Công ty Cổ phần Dầu tư Năng lượng Tài tạo LICOGLI 16	Công ty con	Phải trả về dịch vụ xây dựng	60.872.859.294	86.925.430.006	
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Phải trả về dịch vụ xây dựng	17.139.523.419	24.173.749.538	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Phải trả về dịch vụ môi giới	3.705.153.078	4.504.153.078	
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Công ty liên kết	Phải trả về dịch vụ xây dựng	-	113.406.823.601	
TỔNG CỘNG			145.822.996.318	379.459.887.597	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Chư Ngọc	Công ty con	Tạm ứng giải phóng mặt bằng Cung cấp dịch vụ tư vấn	74.000.000.000 400.000.000	- -	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Ký quỹ thực hiện hợp đồng	47.997.934.877	47.997.934.877	
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó Chủ tịch HĐQT	Bán đất nền	1.687.745.400	1.687.745.400	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty được đầu tư	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	427.955.000	
TỔNG CỘNG			124.085.680.277	50.113.635.277	

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
				VND
<i>Phải trả khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGLI 16	Công ty con	Chi phí lãi vay	6.241.068.647	4.961.997.415
Các cá nhân	Thành viên HĐQT	Thù lao	6.159.680.687	6.056.709.431
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Công ty liên kết	Thu hộ	2.249.818.679	3.553.546.082
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Chi phí lãi vay	2.148.315.067	2.148.315.067
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16 Gia Lai	Công ty con	Chi phí lãi vay	849.754.562	1.029.015.937
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Chư Ngọc	Công ty con	Chi phí lãi vay	403.533.151	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN	Công ty con	Ký quỹ dài hạn	50.253.720	788.663.351
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo LICOGLI 16	Công ty con	Chi phí lãi vay	31.453.784	515.226.743
TỔNG CỘNG			18.133.878.297	19.053.474.026

Công ty Cổ phần LIZEN
[trước đây là Công ty Cổ phần LICOGLI 16]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>VND</i>
Vay					
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích LICOGLI 16	Công ty con	Vay	51.490.000.000	51.620.000.000	
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Chư Ngoc	Công ty con	Vay	50.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tài tạo LICOGLI 16	Công ty con	Vay	25.591.892.026	13.330.562.641	
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Công ty con	Vay	9.879.997.537	-	
Công ty Cổ phần BOT 38	Công ty được đầu tư	Vay	5.520.471.271	5.520.471.271	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng LIZEN	Công ty con	Vay	1.585.855.030	8.266.545.220	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tài tạo LICOGLI 16 Gia Lai	Công ty con	Vay	-	10.569.752.758	
TỔNG CỘNG			144.068.215.864	89.307.331.890	
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tài tạo LICOGLI 16 Ninh Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	1.885.849.950	1.885.849.950	
Phải trả người bán dài hạn					
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGLI 16	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	63.587.175.345	89.414.653.881	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Chức vụ	Thu nhập	
		VND	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thù lao HĐQT		630.000.000	630.000.000
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	150.000.000	150.000.000
Ông Tăng Quốc Thuộc	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ông Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ngân sách hoạt động cho HĐQT, người quản trị Công ty, ban thư ký		536.627.000	1.976.012.000
Lương thưởng Ban Tổng Giám đốc		1.850.000.000	2.248.285.388
Lương thưởng Tổng Giám đốc		500.000.000	706.404.803
Lương thưởng các thành viên còn lại Ban Tổng Giám đốc		1.350.000.000	1.541.880.585
TỔNG CỘNG		3.016.627.000	4.854.297.388

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

29.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	2.545.669.308	2.612.298.033
Trên 1 đến 5 năm	5.545.313.580	5.337.821.280
TỔNG CỘNG	8.090.982.888	7.950.119.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

29.2 Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê [tài sản] theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	<u>7.542.815.848</u>	<u>19.196.464.300</u>

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/NQ-LIZEN-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2022, các cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%. Theo đó, trong tháng 8 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 17.236.346 cổ phiếu mới dưới hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Đỗ Văn Hương
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng

Cao Ngọc Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022